

Bản án số: 239/2023/DS-PT

Ngày: 03 - 08 - 2023

V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản là
nhà và quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập;

Ông Đặng Minh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản là nhà và quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2023/DSST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Hoàng L, sinh năm 1992; Địa chỉ: số D, đường L, khóm D, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Minh H, sinh năm 1980; Địa chỉ: số B, đường C, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của anh Trịnh Hoàng L theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2022 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: số C, đường L, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu H1 theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2022 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Đăng L1, sinh năm 1972 và bà Bùi Thị Hồng T (vắng);
Địa chỉ: số A, đường L, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
+ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1958 (vắng);
Địa chỉ: số G, đường L, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
+ Bà Lưu Thị Tú L3, sinh năm 1987 và ông Quách Tài L4 (vắng);
Địa chỉ: số C, đường L, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
+ Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1961 (vắng);
Địa chỉ: số B, đường T, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
+ Bà Võ Ngọc C, sinh năm 1971 (vắng);
Địa chỉ: số A, đường N, khóm B, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
+ Bà Lưu Thị G1, sinh năm 1974 (vắng);
Địa chỉ: Khu N, đường N, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Người kháng cáo: Ông Trịnh Hoàng L, sinh năm: 1992.
Địa chỉ: Số D đường L, khóm D, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Tại Quyết định số: 03-QĐ-ST, ngày 29/01/1994 của Tòa án nhân dân thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải đã giải quyết cho ông Trịnh Tấn L5 và bà Phan Mỹ L6 ly hôn, đồng thời giao con chung là Trịnh Hoàng L, sinh năm 1992 cho bà L6 tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đến năm 2018, ông L5 chung sống bà Nguyễn Thị Thu H1 nhưng đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Ông L5 và bà H1 chung sống với nhau không có con chung, nhưng ông bà có tạo lập được tài sản là căn nhà cùng phần đất có diện tích 41,8m² thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại số B, đường P, khóm B, phường D, thành phố C (nhà được xây dựng trên đất) đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 902739 cho ông Bùi Quang D, bà Huỳnh Thị H2 vào ngày 15/5/2009, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C ghi nhận biến động ở trang tư của quyền sử dụng đất sang tên ông L5, bà H1 vào ngày 21/01/2020.

Ngày 26/02/2022, ông L5 chết không để lại di chúc, phần đất trên do bà H1 quản lý, sử dụng nên anh Trịnh Hoàng L là con riêng của ông L5 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản do ông L5 chết để lại.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H1 đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản là nhà, đất nêu trên của ông L5 chết để lại cho các đồng thừa kế, bà H1 yêu cầu được nhận hiện vật và sẽ hoàn lại giá trị theo kết quả định giá của Công ty cổ phần T1 cho anh L, nhưng chỉ chia thừa kế theo diện tích đất

được Nhà nước công nhận quyền sử dụng, cụ thể: Nhà, đất bà đồng ý chia theo diện tích đất đã được nhà nước công nhận là 41,8m² bởi theo đo đạc thực tế của Công ty TNHH MTV M thì nhà, đất có diện tích đến 61,7m² - Diện tích này chênh lệch nhiều hơn so với quyền sử dụng đất được Nhà nước cấp là do ông D, bà H2 (chủ cũ) xây dựng lấn chiếm con kênh 16 của Nhà nước quản lý. Hiện nay, Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố C đã ban hành thông báo tháo dỡ công trình kiến trúc xây dựng lấn chiếm con kênh 16 nhưng bà H1 chưa thực hiện việc tháo dỡ do chờ kết quả giải quyết vụ án của Tòa án. Mặt khác, bà H1 yêu cầu khi phân chia di sản thừa kế phải xác định nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại vì trong thời gian chung sống, bà cùng ông L5 có mượn nợ của các chủ nợ gồm: Nợ vợ chồng ông Lê Đăng L1, bà Bùi Thị Hồng T số tiền 70.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị L2 số tiền 78.000.000 đồng; nợ vợ chồng ông Quách Tài L4, bà Lưu Thị Tú L3 số tiền 16.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Trường G số tiền 50.000.000 đồng; nợ bà Võ Ngọc C số tiền 40.000.000 đồng và nợ bà Lưu Thị G1 số tiền 40.000.000 đồng, mục đích của việc mượn nợ nêu trên là để mua căn nhà hiện tranh chấp, trị bệnh ung thư và lo đám tang cho ông L4 – Đây là nợ chung của vợ chồng, nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ nêu trên. Đồng thời, sau khi ông L4 chết, bà có thuê ông Hồ Văn X sửa chữa lại căn nhà với số tiền là 60.000.000 đồng nên bà H1 yêu cầu sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ của ông L4 trong phần di sản của ông L4 để lại và phần sửa chữa nhà, phần giá trị di sản còn lại theo kết quả định giá sẽ chia cho bà H1 với anh L còn số tiền mà ông L4 có nghĩa vụ trả nợ đã được trừ ra khi chia di sản, bà H1 xin nhận quản lý để trả cho các chủ nợ khi họ có yêu cầu.

Riêng anh Trịnh Hoàng L không đồng ý với việc phân chia của bà H1 bởi anh cho rằng ông L4 (cha của anh) trước khi về chung sống với bà H1 có tài sản riêng là căn nhà số C, đường L, khóm B, phường D, thành phố C. Năm 2017, ông L4 chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Đỗ Tri N1, bà Đoàn Trúc P đến năm 2018, ông L4 về chung sống với bà H1 thì không thể xảy ra việc ông L4 không có tiền để mua nhà, đất và trị bệnh mà phải mượn tiền của nhiều người như bà H1 trình bày. Hơn nữa, ông L4 mắc bệnh ung thư khi phát hiện bệnh khoảng 01 tháng ông L4 chết và việc xác nhận của các chủ nợ, của người sửa chữa nhà cùng biên nhận nợ có nhiều mẫu thuẫn, không khách quan. Do đó, anh L xác định nếu có nợ thì đó là nợ riêng của bà H1, không phải nợ chung của ông L4 với bà H1 nên khi phân chia di sản thừa kế, anh L yêu cầu được nhận giá trị theo diện tích nhà, đất đo đạc thực tế là 61,7m² và chia theo giá trị đã được thẩm định giá.

Đối với các chủ nợ gồm: Vợ chồng ông Lê Đăng L1, bà Bùi Thị Hồng T; bà Nguyễn Thị L2; vợ chồng ông Quách Tài L4, bà Lưu Thị Tú L3; ông Nguyễn Trường G; bà Võ Ngọc C và bà Lưu Thị G1. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có tên nêu trên đã có lời khai xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông L4 nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trường hợp bà H1 nhận trách nhiệm trả các khoản nợ trên thì các chủ nợ cũng đồng ý nhưng giữa các chủ nợ và bà H1 sẽ tự thương lượng, thoả thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, các chủ nợ do bận nhiều công việc -nên xin vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập hòa giải và xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2023/DSST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào các Điều 615, 616, 617, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 158 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của anh Trịnh Hoàng L.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Thu H1 được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt căn nhà cùng phần đất thuộc thửa đất số số 07, tờ bản đồ số 01 có tổng diện tích là 41,8m² tọa lạc tại số B, đường P, khóm B, phường D, thành phố C đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/5/2009, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C ghi nhận biến động ở trang tư của quyền sử dụng đất sang tên ông Trịnh Tấn L5, bà Nguyễn Thị Thu H1 vào ngày 21/01/2020.

Bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan quản lý đất đai để điều chỉnh, đăng ký biến động đất đai theo quy định đối với phần đất nêu trên.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trịnh Hoàng L số tiền là 76.551.500 đồng (bảy mươi sáu triệu năm trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H1 không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

3. Tạm giao số tiền 147.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) là di sản của ông Trịnh Tấn L5 cho bà Nguyễn Thị Thu H1 quản lý để thực hiện nghĩa vụ trả nợ và tách yêu cầu đòi nợ của các chủ nợ gồm: Ông Lê Đăng L1, bà Bùi Thị Hồng T; bà Nguyễn Thị L2; bà Lưu Thị Tú L3, ông Quách Tài L4; ông Nguyễn Trường G; bà Võ Ngọc C và bà Lưu Thị G1, để giải quyết ở vụ kiện dân sự khác, khi các chủ nợ có yêu cầu.

4. Bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trịnh Hoàng L chi phí thẩm định giá và đo đạc với số tiền là 9.093.000 đồng (chín triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 08/3/2023 anh Trịnh Hoàng L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận phần nợ chung của bà H1 và ông L4; chia thừa kế phần đất có nhà ở có diện tích 61,7m².

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận chia thừa kế toàn bộ phần nhà và đất theo đo đạc thực tế 61,7m² và chia ½ giá trị di sản của ông L4, không giao số tiền nợ cho bà H1 giữ.

Đại diện hợp pháp của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2023/DSST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn qui định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo qui định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh Trịnh Hoàng L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét kháng cáo đối với phần yêu cầu chia thừa kế phần đất có nhà ở có diện tích 61,7m²:

Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 02/01/2020 thì ông L4 và bà H1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 41,8m² (bút lục 08), phần đất thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ số 01 có tổng diện tích là 41,8m² tọa lạc tại số B, đường P, khóm B, phường D, thành phố C và thửa đất này đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/5/2009, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C ghi nhận biến động ở trang tư của quyền sử dụng đất sang tên ông L4, bà H1 vào ngày 21/01/2020 (bút lục 32, 33).

Hiện căn nhà (được xây dựng trên đất nhưng chưa được cấp quyền sở hữu nhà ở) và thửa đất theo bản vẽ hiện trạng đo đạc thực tế 29/7/2022 của Công ty TNHH MTV M đo vẽ là 61,7m² trong đó diện tích nhà, đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp quyền sử dụng là 19,9m². Phần diện tích nhà, đất 19,9m², Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố C đã ban hành Thông báo số: 65/TB-UBND, ngày 12/12/2022 về việc tháo dỡ công trình xây dựng nhà ở, hàng rào vi phạm chỉ giới Kênh A, Rạch C trên địa bàn phường D, thành phố C theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố C (bút lục 86, 87). Ngoài ra, tại Đơn

khởi kiện, ông L cũng chỉ yêu cầu chia thừa kế phần đất có căn nhà, có diện tích 41,8m² (bút lục 15).

Do đó, án sơ thẩm chỉ chấp nhận chia thừa kế căn nhà và phần đất có diện tích 41,8m², là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo đối với phần nợ chung của bà H1 và ông L4:

Số tiền nợ của các chủ nợ là ông Lê Đăng L1 và bà Bùi Thị Hồng T 70.000.000đ, vợ chồng Quách Tài L4 và Lưu Thị Tú L3 16.000.000đ, bà Nguyễn Thị L2 78.000.000đ, bà Võ Ngọc C 40.000.000đ, ông Nguyễn Trường G 50.000.000đ, bà Lưu Thị G1 40.000.000đ. Đối với tất cả những người cho bà H1 vay đều chỉ yêu cầu Tòa án ghi nhận số nợ trên, đồng thời không yêu cầu độc lập trong vụ án chia thừa kế.

Do anh Trịnh Hoàng L không thừa nhận số nợ nêu trên là nợ chung của ông L4 và bà H1. Đồng thời những người có quyền lợi liên quan trong vụ án không có yêu cầu độc lập, chưa yêu cầu bà H1 trả nợ nhưng cấp sơ thẩm đã xác định tổng số tiền nợ chung của ông L4, bà H1 là 294.000.000đ, đồng thời giao bà H1 quản lý số tiền 147.000.000đ là di sản của ông L4 cho bà H1 quản lý để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, là chưa đúng.

Từ nhận định trên, cần phải xác định giá trị tài sản chung của ông L4 và bà H1 là căn nhà và đất diện tích 41,8m², trị giá 600.206.000đ (theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá miền N). Trong đó giá trị tài sản của bà H1 là $\frac{1}{2} = 300.103.000đ$, giá trị di sản của ông L4 là 300.103.000đ. Di sản của ông L4 sẽ được chia đôi cho bà H1 và anh L. Giao bà H1 nhận tài sản, bà H1 phải giao lại a L $\frac{1}{2}$ giá trị = 150.051.500đ. Đối với những người chủ nợ hiện không yêu cầu trong vụ án chia thừa kế, sẽ được tách ra, nếu sau này ông Lê Đăng L1, bà Bùi Thị Hồng T; bà Nguyễn Thị L2; bà Lưu Thị Tú L3, ông Quách Tài L4; ông Nguyễn Trường G; bà Võ Ngọc C và bà Lưu Thị G1 không thỏa thuận việc trả nợ với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trịnh Tấn L5 về số tiền nợ, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác (nếu có yêu cầu).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh Trịnh Hoàng L, sửa một phần bản án sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Những yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau khác với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, các đương sự phải chịu theo kỹ phần được nhận. Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Trịnh Hoàng L.

Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của anh Trịnh Hoàng L.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Thu H1 được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt căn nhà cùng phần đất thuộc thửa đất số số 07, tờ bản đồ số 01 có tổng diện tích là 41,8m² tọa lạc tại số B, đường P, khóm B, phường D, thành phố C đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/5/2009, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C ghi nhận biến động ở trang tư của quyền sử dụng đất sang tên ông Trịnh Tấn L5, bà Nguyễn Thị Thu H1 vào ngày 21/01/2020.

Bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan quản lý đất đai để điều chỉnh, đăng ký biến động đất đai theo quy định đối với phần đất nêu trên.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trịnh Hoàng L số tiền là 150.051.500đ (một trăm năm mươi triệu không trăm năm mươi một ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H1 không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

3. Tách yêu cầu đòi nợ của các chủ nợ gồm: Ông Lê Đăng L1, bà Bùi Thị Hồng T; bà Nguyễn Thị L2; bà Lưu Thị Tú L3, ông Quách Tài L4; ông Nguyễn Trường G; bà Võ Ngọc C và bà Lư Thị G1, để giải quyết ở vụ kiện dân sự khác, khi các chủ nợ có yêu cầu.

4. Bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trịnh Hoàng L chi phí thẩm định giá và đo đạc với số tiền là 9.093.000 đồng (chín triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 7.502.500đ (bảy triệu năm trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng).

- Anh Trịnh Hoàng L phải chịu 7.502.500đ (bảy triệu năm trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng). Ngày 14/4/2022, anh L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) theo biên lai số 0001163 được đối trừ. Số tiền

tạm ứng án phí còn lại 6.497.500đ (sáu triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng), anh L được nhận lại.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Trịnh Hoàng L không phải chịu. Ngày 09/3/2023 anh L đã dự nộp phí kháng cáo 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 0002977 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập Đặng Minh Trung

Đỗ Cao Khánh

